TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **502** /2025/DS-ST
Ngày 22/09/2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Trần Công Hách**
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Mai

Bà Dương Tú Anh

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Thanh Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Hà Nội.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Phạm Hà Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 426/2025/TLST-DSST ngày 06 tháng 6 năm 2025 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2025/QĐXXST- DS ngày 15 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số /2025/QĐST-DS ngày 04/9/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP N1 (V)

Địa chỉ trụ sở chính: Số A T, phường L, quận H, thành phố Hà Nội (nay là phường H, thành phố Hà Nội).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh T - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Pháp nhân Đại diện theo ủy quyền: Ngân hàng TMCP N1 - Chi nhánh H1.

Địa chỉ trụ sở chi nhánh : đến tầng 5, số A C, phường V - Q , quận Đ, thành phố Hà Nội (nay là phường V - Q, thành phố Hà Nội).

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Ngọc T1 – Chức vụ: Giám đốc theo Văn bản ủy quyền số 1053/UQ-V1-PC ngày 22/08/2024 của Người đại diện theo pháp luật Ngân hàng TMCP N1

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: ông Đậu Hoàng A, ông Lê Giang N, bà Vũ Thị Ngọc Lan H theo Văn bản ủy quyền số 99/UQ-V1HN-HCNS ngày 23/05/2025. Địa chỉ trụ sở chi nhánh : đến tầng 5, số A C, phường V - Q, quận Đ, Thành phố Hà Nội,

Việt Nam (nay là phường V - Q, Hà Nội); Ông Hoàng A Có mặt; Vắng mặt ông N, bà H

- **Bị đơn: Ông Lương Bá T2,** sinh năm 1978; Nơi ĐKHKTT và nơi ở hiện nay: 22 ngõ B T, quận H, Thành phố Hà Nội (nay là phường T, thành phố Hà Nội); Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 23/05/2025 và các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng TMCP N1 – chi nhánh H1 trình bày như sau:

Ngân hàng TMCP N1 – Chi nhánh H1 và ông Lương Bá T2 đã ký Yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế V số 002/TDCN/19/60014 ngày 11/01/2019 theo hình thức Tín chấp, hiệu lực thẻ tín dụng là 60 tháng (đến hết tháng 01/2022), thông tin cụ thể như sau:

- Loại thẻ phát hành: V1 Visacard Emv G (Số tài khoản thẻ: **V0020000697**)
- Tổng hạn mức thẻ được cấp: 35.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba mươi lăm triệu đồng chẵn)
- Lãi suất cho vay: Thay đổi theo thông báo của Ngân hàng trong từng thời kỳ quy định tại Yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế V ký ngày 11/01/2019.

Trong khoảng thời gian sau khi phát hành thẻ tín dụng và cho đến kỳ sao kê tháng 01/2019 khách hàng trả nợ bình thường. Từ tháng 02/2019 ông Lương Bá T2 đã không thanh toán sao kê và phát sinh nợ quá hạn thẻ tín dụng tại V chi nhánh H1. Tính đến ngày 22/05/2025, ông Lương Bá T2 còn nợ Ngân hàng TMCP N1 tổng số tiền 74.819.049 đồng. Trong đó nợ gốc 35.000.000 đồng và nợ lãi 39.819.049 đồng.

Nay Ngân hàng TMCP N1 - chi nhánh H1 (V1 chi nhánh H1) đề nghị Tòa án giải quyết tuyên buộc ông Lương Bá T2 phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho V1 chi nhánh H1 tính đến ngày 22/09/2025 là 76.942.466 đồng (Trong đó nợ gốc 35.000.000 đồng và nợ lãi 41.942.466 đồng). Ông Lương Bá T2 còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế V số 002/TDCN/19/60014 ngày 11/01/2019 kể từ ngày 23/09/2025 cho đến ngày thực tế ông Lương Bá T2 trả hết nợ gốc cho V1. T3 nếu ông Lương Bá T2 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì V1 thông qua V1 - chi nhánh H1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu sử dụng của ông Lương Bá T2 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Ngân hàng đề nghị ông Lương Bá T2 phải chịu hoàn toàn tiền án phí.

Ngoài các nội dung trên ngân hàng không yêu cầu Tòa giải quyết nội dung nào khác.

Quá trình tiến hành giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành thông báo cho ông Lương Bá T2 biết Tòa án đã thụ lý vụ án tranh chấp Hợp đồng tín dụng do Ngân hàng TMCP N1 khởi kiện đối với ông Lương Bá T2 và triệu tập ông T2 đến Tòa để giải quyết vụ án, nhưng ông T2 không đến Tòa thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự giải quyết vụ án. Tại Yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế V số 002/TDCN/19/60014 ngày 11/01/2019 ông Lương Bá T2 có nêu địa chỉ nơi ở hiện tại là 22 ngõ B T, quận H, Thành phố Hà Nội (nay là phường T, thành phố Hà Nội). Qua tống đạt các văn bản của Tòa án, thư ký nghiệp vụ tiến hành tống đạt văn bản của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Hà Nội cho ông Lương Bá T2 tại địa chỉ 22 ngõ B T, quận H, Thành phố Hà Nội (nay là phường T, thành phố Hà Nội) tuy nhiên qua thực tế tống đạt và trao đổi với Tổ trưởng Tổ dân phố E, hiện nay tại địa chỉ B ngõ B T, quận H, Thành phố Hà Nội (nay là phường T, thành phố Hà Nội) không có người tên Lương Bá T2. Theo quy định tại khoản 3 Điều 40 Bộ luật dân sự năm 2015 và điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì việc ông Lương Bá T2 chuyển đi nơi khác không còn ở tại địa chỉ ghi trong các Yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế V số 002/TDCN/19/60014 ngày 11/01/2019 mà ông T2 ký kết với Ngân hàng TMCP N1 - chi nhánh H1 thì ông T2 phải có nghĩa vụ thông báo cho Ngân hàng TMCP N1 - chi nhánh H1 biết về việc thay đổi địa chỉ cư trú của ông T2. Việc ông T2 thay đổi địa chỉ không thông báo cho Ngân hàng được coi là cố tình giấu địa chỉ nên theo quy định của pháp luật Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Hà Nội đã niêm yết các thông báo, giấy báo và quyết định của Tòa án tại địa chỉ cư trú cuối cùng và nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của ông T2 tại địa chỉ số B ngõ B T, quận H, Thành phố Hà Nội (nay là phường T, thành phố Hà Nội). Vì vậy, Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Hà Nội căn cứ vào các quy định của pháp luật ra quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Ngân hàng TMCP N1 - chi nhánh H1 vẫn giữ nguyên yêu cầu và đề nghị Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Hà Nội buộc ông Lương Bá T2 thanh toán cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 22/09/2025 tổng số tiền 76,942,466 VNĐ (Bằng chữ: Bảy mươi sáu triệu, chín trăm bốn mươi hai nghìn, bốn trăm sáu mươi sáu đồng). Trong đó: Nợ gốc: 35.000.000 VNĐ và Nợ lãi: 41,942,466 VNĐ.

Tại phiên tòa ông Lương Bá T2 vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Hà Nội tham gia phiên tòa có ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng theo đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Hà Nội nhận định, đánh giá tính hợp pháp của Yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế V số 002/TDCN/19/60014 ngày 11/01/2019 giữa Ngân hàng TMCP N1 - chi nhánh H1 với ông Lương Bá T2 và có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP N1 - chi nhánh H1, buộc ông Lương Bá T2 có trách nhiệm thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP N1 toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi tính đến ngày 22/09/2025 là: 76.942.466 đồng và lãi phát sinh tính từ ngày 23/09/2025 cho đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong Yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế V số 002/TDCN/19/60014 ngày 11/01/2019.

Ông Lương Bá T2 phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án dân sự này là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo khoản 1 điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Theo quy định tại mục 11.3 Điều 11 của Hợp đồng phát hành thẻ thì mọi tranh chấp phát sinh liên quan đến Hợp đồng này được các bên đồng ý giải quyết tranh chấp tại Tòa án nhân dân cấp có thẩm quyền nơi có Trụ sở Chi Nhánh của Ngân hàng (Địa chỉ: Tầng A đến tầng E, số A C, phường Q, quận Đ, thành phố Hà Nội). Do vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đống Đa (nay là Tòa án Khu vực 2 -Hà Nội) theo khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông Lương Bá T2 đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng nhưng ông T2 không lên Tòa án thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay ông T2 vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Do vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Lương Bá T2 là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xét thấy, Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế V số 002/TDCN/19/60014 ngày 11/01/2019 và bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) giữa Ngân hàng TMCP N1 và ông Lương Bá T2 được các bên ký trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy xác định là hợp đồng hợp pháp có hiệu lực thi hành với các bên. Ông T2 được cấp thẻ tín dụng V1 (Số tài khoản thẻ: **V0020000697**) với hạn mức 35.000.000 đồng. Khoản nợ của ông Lương Bá T2 hiện đang được phân loại nợ xếp vào nhóm 5 - Nợ có khả năng mất vốn. Ngân hàng đã yêu cầu ông T2 thực hiện nghĩa vụ trả nợ và quá trình xử lý, thu hồi nợ Ngân hàng đã gửi các thông báo nhắc nợ cho ông T2. Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc ông T2 phải thanh toán trả Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc nêu trên là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3.1]. Xét yêu cầu thanh toán số tiền nợ gốc: Hội đồng xét xử căn cứ vào Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế V số 002/TDCN/19/60014 ngày 11/01/2019 và bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) giữa Ngân hàng TMCP N1 và ông Lương Bá T2 nhận thấy ông T2 sử dụng thẻ tín dụng và số khoản vay theo hợp đồng cấp tín dụng với số tiền nợ gốc 35.000.000 đồng và số tiền lãi phát sinh mà ông T2 chưa thanh toán nên Ngân hàng TMCP N1 yêu cầu ông T2 thanh toán số tiền nợ gốc là: 35.000.000 (ba mươi lăm triệu đồng) là phù hợp với quy định tại Điều 2 của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế V số 002/TDCN/19/60014 ngày 11/01/2019 và bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) giữa Ngân hàng TMCP N1 và ông Lương Bá T2. Do vậy, Ngân hàng TMCP N1 đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Lương Bá T2 phải thanh toán trả Ngân hàng số tiền nợ gốc trên là có căn cứ chấp nhận và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3.2]. Xét yêu cầu tính lãi: Căn cứ điều 4 Bản các Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP N1 quy định: Nếu đến hạn thanh toán Chủ thẻ không trả hoặc trả số tiền nhỏ hơn trị giá thanh toán tối thiểu mà Ngân hàng yêu cầu, Chủ thẻ sẽ chịu mức phí chậm thanh toán theo quy định của Ngân hàng tính trên phần số tiền tối thiểu chưa thanh toán. Ngân hàng TMCP N1 đã cung cấp cho Tòa án các quyết định thay đổi lãi suất áp dụng đối với thẻ tín dụng của ông Lương Bá T2. Ông T2 trong quá trình sử dụng thẻ từ sau khi phát hành thẻ tín dụng cho đến kỳ sao kê tháng 01/2019 trả nợ bình thường, từ tháng 02/2019, ông Lương Bá T2 đã không thanh toán sao kê và phát sinh nợ quá hạn thẻ tín dụng tại Ngân hàng V1 - Chi nhánh H1; Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng ông T2 không trả nợ và khoản nợ của ông Lương Bá T2 hiện đang được phân loại nợ xếp vào nhóm 5 - Nợ có khả năng mất vốn là đúng quy định của hợp đồng và phù hợp với các quy định của pháp luật về lãi suất được quy định khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng được sửa đổi, bổ sung năm 2010, Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao hướng dẫn về áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Tính đến ngày 22/09/2025 tổng số tiền 76,942,466 VNĐ (Bằng chữ: Bảy mươi sáu triệu, chín trăm bốn mươi hai nghìn, bốn trăm sáu mươi sáu đồng). Trong đó: Nợ gốc: 35.000.000 VNĐ và Nợ lãi: 41,942,466 VNĐ. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP N1 buộc ông Lương Bá T2 phải thanh toán số tiền nợ lãi là: 41.942.466 đồng (Bằng chữ: bốn mươi mốt triệu chín trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm sáu mươi sáu đồng).

Như vậy, số tiền nợ gốc và lãi ông Lương Bá T2 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP N1 là: 76,942,466 VNĐ (Bằng chữ: Bảy mươi sáu triệu, chín trăm bốn mươi hai nghìn, bốn trăm sáu mươi sáu đồng).

Về án phí: Ngân hàng TMCP N1 được chấp nhận yêu cầu nên không phải chịu án dân sự sơ thẩm. Ông Lương Bá T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

- Căn cứ các Điều 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự.

- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao hướng dẫn về áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP N1 đối với ông Lương Bá T2 về việc thanh toán số tiền 76,942,466 VNĐ.

[2]. Xác nhận tính đến ngày 22/09/2025, ông Lương Bá T2 phải trả cho Ngân hàng TMCP N1 số tiền là 76,942,466 VNĐ (Bằng chữ: Bảy mươi sáu triệu, chín trăm bốn mươi hai nghìn, bốn trăm sáu mươi sáu đồng). Trong đó: Nợ gốc: 35.000.000 VNĐ và Nợ lãi: 41,942,466 VNĐ.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xử án sơ thẩm, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế V số 002/TDCN/19/60014 ngày 11/01/2019 và bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) giữa Ngân hàng TMCP N1 và ông Lương Bá T2 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

[3]. Về án phí: Ông Lương Bá T2 phải chịu 3.847.123 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng TMCP N1 được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí. Hoàn trả Ngân hàng TMCP N1 1.870.476 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0026698 ngày 06/06/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 2 - Hà Nội).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, Ngân hàng TMCP N1 có mặt và ông Lương Bá T2 vắng mặt. Ngân hàng TMCP N1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Ông Lương Bá T2 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Công Hách